

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2019.

V/v: “ Yêu cầu ly hôn ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

Bà Hoàng Thị Kim Ngân.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: ông Đỗ Đình Luyến.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 539/2018/TLST – HNGĐ ngày: 02/11/2018, về việc: “Yêu cầu ly hôn ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày: 11/01/2019, quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị Thanh H, sinh năm: 1978 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT: tổ 10, KP LS, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Trần Hữu D, sinh năm: 1972 – (Vắng mặt).

HKTT: tổ 10, KP LS, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2018, bản khai ngày 26/11/2018, biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 24/12/2018 tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H trình bày: chị H chung sống với anh D vào năm 1996, nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn với tại UBND TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Việc chung sống và kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D không chăm lo cho gia đình, vợ con. Mọi việc trong nhà đều do một mình chị H gánh vác, lo liệu. Mặc dù chị H đã góp ý nhiều lần nhưng anh D không tiếp thu để sửa chữa. Vì vậy, từ đó cho đến nay vợ chồng đã ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế, mặc dù vẫn sống chung một nhà.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: có 04 con chung là: Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 26/10/1999, Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 25/6/2002, Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 25/6/2002 và Trần Thị

Huyền T, sinh ngày: 20/4/2007, hiện nay cháu T đã trưởng thành, còn cháu T, cháu T, cháu T đang sống cùng với chị H và anh D. Nếu ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu T và cháu T giao cho anh D nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: chị H và anh D tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chưa yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị H có ý kiến: chị H yêu cầu ly hôn với anh D, yêu cầu nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, còn cháu T và cháu T giao cho anh D nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Anh Trần Hữu D dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay anh D vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập của Toà án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thanh H đối với anh Trần Hữu D.

NHẬN XÉT CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: chị Phạm Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị H ly hôn với anh Trần Hữu D. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ (Bút lục số: 35). Anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị H và anh D.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị H và anh D là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 10) nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng theo chị H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống anh D không chăm lo cho gia đình, vợ con. Mọi việc trong nhà đều do một mình chị Huyền gánh vác, lo liệu. Mặc dù chị H đã góp ý nhiều lần nhưng anh D không tiếp thu để sửa chữa. Vì vậy, từ đó cho đến nay vợ chồng đã ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế, mặc dù vẫn sống chung một nhà. Điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương (Bút lục số: 33).

Điều đó chứng tỏ giữa chị H và anh D không còn yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị H yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của chị H. Về hôn nhân chị H được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: có 04 con chung là: Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 26/10/1999, Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 25/6/2002, Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 25/6/2002 và Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 20/4/2007, hiện nay cháu T đã trưởng thành. Còn cháu T, cháu T, cháu T đang sống cùng với chị H và anh D. Nếu ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu

T, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu T và cháu T giao cho anh D nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: việc chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, giao cháu T và cháu T giao cho anh D nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cháu T và cháu T (Bút lục số: 19,20,21). Vì vậy, giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, còn cháu T và cháu T giao cho anh D nuôi dưỡng. Chị H có trách nhiệm giao cháu T và cháu T giao cho anh D nuôi dưỡng, anh D có trách nhiệm giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, anh D không có mặt nên không thể hiện được ý chí có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hay không. Do đó HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con thì khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị H trình bày không có nhưng anh D không có mặt nên không thể kiểm chứng được lời trình bày của chị H có đúng hay không. Vì vậy, HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định.

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị H phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 56, 59, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thanh H đối với anh Trần Hữu D.

[1] Về hôn nhân: chị Phạm Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần Hữu D.

[2] Về con chung: có 04 con chung là: Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 26/10/1999, Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 25/6/2002, Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 25/6/2002 và Trần Thị Huyền T, sinh ngày: 20/4/2007, hiện nay cháu T đã trưởng thành, còn cháu T, cháu T, cháu T đang sống cùng với với chị H và anh D.

Chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu T. Chị H có trách nhiệm giao cháu T và cháu T giao cho anh D nuôi dưỡng, anh D có trách nhiệm giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng.

Chị H và anh D được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc chị H và anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: chị H phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004702 ngày 01/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận.

- *TAND tỉnh BR – VT.*
- *VKSND huyện XM.*
- *Chi cục THADS huyện XM.*
- *UBND TT PB.*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu.*

Hoàng Ngọc Tuấn